

Bản án số: **34/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **27/6/2023**

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; ĐKKHKT: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt). Hiện cư trú tại: Xóm 9, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1976; ĐKKHKT & trú tại: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã C, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm A, xã K. Trong quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 9, xã C sống ly thân với anh T.

Theo chị H nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung, thời gian chị về nhà ngoại sống anh cũng không hỏi han, thăm nom gì. Khi chị gọi điện thông báo sẽ làm đơn ly hôn với anh, thì anh không hòa giải mà tiếp tục chửi bới, xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Thị Kiều T1, sinh ngày 24/10/2006 và Phạm Quốc A, sinh ngày 05/10/2010. Hiện các con chung đều đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 2 con chung, yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn anh Phạm Văn T trong các biên bản sự việc các ngày 29/3/2023 và 10/4/2023 trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:**

Anh Phạm Văn T đang có mặt tại nơi cư trú; làm nghề lái xe nên thường xuyên đi về, không có người thân nhận thay văn bản, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tại nhà anh T theo đúng quy định của pháp luật. Tiến hành gọi điện cho anh T theo số thuê bao 09726796xx, anh T có nghe máy và cho biết nay anh đang đi làm, công việc của anh là lái xe tải chở hàng thường ngày không thể về làm việc trực tiếp với Tòa án được; anh T cho biết vợ chồng anh chị sau khi kết hôn thì về chung sống tại xóm A, xã K, là quê của anh; quá trình chung sống giữa vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn từ lâu do bất đồng quan điểm về kinh tế trong gia đình và sinh hoạt vợ chồng; Chị H tự ý đưa các con về nhà ngoại để ở anh không đánh đuổi. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh thì anh không nhất trí vì con cái chưa trưởng thành, anh mong muốn chị H suy nghĩ thêm để quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con chung tài sản chung: Anh T không có quan điểm cụ thể, về tài sản anh đề nghị chị H trả lại số tiền anh đi làm trước đây dành dụm được để mang về cho chị, còn nhà và đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các con chung của vợ chồng là Phạm Thị Kiều T1, sinh ngày 24/10/2006 và Phạm Quốc A, sinh ngày 05/10/2010 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14:

Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng Phạm Thị Kiều T1, sinh ngày 24/10/2006 và Phạm Quốc A, sinh ngày 05/10/2010. Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Văn T, tạm trú tại: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm A, xã K.

Trong quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời không quan tâm chăm sóc vợ con. Vì mâu thuẫn nên chị đã về nhà ngoại tại xóm 9, xã C sống ly thân với anh T.

Về phía anh T, cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm về kinh tế trong gia đình và sinh hoạt vợ chồng; tuy nhiên anh không nhất trí vì con cái chưa trưởng thành, anh mong muốn chị H suy nghĩ thêm để quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh T tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị H, anh T không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh T và chị H chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy cả anh T và chị H đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng trong cách làm ăn kinh tế ngoài ra còn có một số mâu thuẫn nhỏ khác nhưng cả chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng hiện không còn sống chung mà đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian hòa giải, suy nghĩ nhưng không có kết quả. Anh T mặc dù có quan điểm không nhất trí ly hôn nhưng trong thời gian cho 2 bên tự trao đổi, cũng như hòa giải tại Tòa án thì anh T không tham gia, không có biện pháp khác phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến đời sống chung trong khi anh mong muốn chị H suy nghĩ thêm để quay về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T và chị H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng chỉ có hai con chung là Phạm Thị Kiều T1, sinh ngày 24/10/2006 và Phạm Quốc A, sinh ngày 05/10/2010. Hiện các con chung đều đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 2 con chung khi ly hôn; về phía anh T không có ý kiến quan điểm về con chung khi ly hôn. Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với H; Các cháu Phạm Thị Kiều T1 và Phạm Quốc A khi được

hỏi đều có nguyện vọng được ở với chị H khi bố mẹ ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học của các cháu và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cháu T1 và cháu Anh cho chị H nuôi kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên như chị H đề xuất là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên; nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung mà không cần sự hỗ trợ của anh T. Chị H cũng không chứng minh được thu nhập thực tế của anh T cụ thể hiện nay như T nào, xác minh tại địa phương cũng không xác định được thu nhập hiện nay của anh T.

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của hai cháu; căn cứ mức thu nhập bình quân phổ thông hiện nay tại địa phương thì việc buộc anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con mỗi tháng 2.000.000đ ( mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng) kể từ khi ly hôn đến khi các con chung thành niên như chị H đề xuất là phù hợp.

[ 4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết phía anh T có đề nghị chị H trả lại số tiền anh đi làm trước đây dành dụm được để mang về cho chị, còn nhà và đất anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vấn đề này thì thấy rằng chị H là nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản; anh T có ý kiến giải quyết một phần về tài sản chung nhưng không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật nên vấn đề tài sản chung của vợ chồng anh chị không được xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Trường hợp anh T và chị H có yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, ghi nhận sự tự nguyện nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm của chị H cho anh T.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T.

**2.** Về con chung: giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng là Phạm Thị Kiều T1, sinh ngày 24/10/2006 và Phạm Quốc A, sinh ngày 05/10/2010. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 2.000.000đ; cụ thể cháu Phạm Thị Kiều T1 mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2023 đến khi cháu T1 thành niên; cháu Phạm Quốc A mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 7/2023 đến khi cháu A thành niên

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4820 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị H còn phải nộp 300.000đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 09 tháng 9 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – Ninh Bình

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm T Anh

*Các hội thẩm nhân dân:* ông Vũ Xuân Dụ và ông Vũ Đức Bính

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 95/2021/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thảo, sinh năm 1986; ĐKHKT: xóm 9, xã Kim Chính, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Ở hiện nay: xóm 11, xã Đồng Hương, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( có mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn Cường, sinh năm 1983; ĐKHKT và trú tại: xóm 9, xã Kim Chính, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( vắng mặt lần 2 không có lý do)

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**1/ Về điều luật áp dụng:** Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

**2/ Về đường lối giải quyết :**

- Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thảo và anh Lê Văn Cường.  
- Về con chung: Giao chị Phạm Thị Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 11/6/2012; Nguyễn Phúc Lộc, sinh ngày 14/01/2019. Giao cho anh Lê Văn Cường trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trần Quang Phát, sinh ngày 07/6/2008. Anh Cường phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lộc cho chị Thảo mỗi tháng

1.500.000đ kể từ tháng 9/2021 đến khi cháu Lộc thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thảo phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2599 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Cường phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm

Biểu quyết 3/3 nhất trí

### **3/ Các vấn đề khác:**

- Tuyên quyền kháng cáo cho cáo đương sự.

- Giải thích quyền nghĩa vụ thi hành án theo luật thi hành án dân sự

Biểu quyết 3/3 nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28/8/2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Lai Thành;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm T Anh**



